

Phẩm 11: TỊNH HẠNH

- Số Câu: “Một là ý nối tiếp”: Phần này có ba:

Một: Đối hợp chung cả phần trước, sau để biện giải về ý nối tiếp. Nghĩa là, muốn thành tựu quả vị vi diệu là sau mười Trí ở sau. Cho nên Phẩm trước biện minh về sự lãnh hội (Giải), tức là đối với phẩm trước mà nói.

Hai: Từ câu: “Lại nữa, trước thì biện minh hội nhập Lý, quán Hành” tiếp xuống: Đây cùng ý thứ ba đều là đối với hai phần ở trước. Tức dùng Hành đối với Hành thì chính là Lý, Sự chẳng đồng.

Ba: Tức dùng Nguyên đối với Hành thì hai phẩm hoàn toàn khác biệt. Cho nên phẩm trước gồm đủ hai nghĩa Hành, Giải, phẩm này gồm đủ hai nghĩa Hành, Nguyên.

- Số câu: “Tiếp theo là giải thích tên gọi của Phẩm”: Gồm hai:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Từ câu: “Đạt được ý này” tiếp xuống: Là biện giải về công năng của Hành.

- Số từ câu: “Là tâm của Văn Thù” tiếp xuống: Là trở lại xác nhận hai pháp trên. Song, như nơi Phẩm Hiền Thủ (phẩm mười hai) thì ý ban đầu phát khởi theo văn có thể nhận biết.

- Số câu: “Bốn là giải đáp chỗ vướng mắc” Phần này gồm hai:

Một: Vướng mắc về phần có Nguyên mà không có Hành.

Hai: Biện giải về vướng mắc sở hành chẳng phải là chân thật.

Trong phần một gồm hai chi tiết:

Một là nêu câu hỏi.

Hai là giải đáp.

Nơi phần đáp lại gồm hai:

- Trước là nêu ra.

- Sau là tóm kết.

Trong phần nêu ra lược có sáu lớp:

Một: Hành về Sự Lý không ngăn ngại.

Hai: Từ câu: “Do Nguyên dẫm khất Trí” tiếp xuống: Là Hành theo Bi, Trí không ngăn ngại.

Ba: Từ câu: “Gặp cảnh thuận nghịch” tiếp xuống: Là Hành theo chỉ, Quán cả hai cùng hiện bày.

Bốn: Từ câu “Lại đối nơi Cảnh của Sự” tiếp xuống: Là Hành theo ba Quán một Tâm.

Năm: Từ câu: “Chỗ tạo thành Hành” tiếp xuống: Là Hành theo

mười độ cùng tu.

Sáu: Từ câu: “Điều nguyện lợi sinh” tiếp xuống: Là Hành theo bốn thế nguyện rộng lớn.

Trong sáu Hành nêu trên thì ba lớp trước mỗi lớp đều có ba nghĩa. Ba nghĩa của lớp thứ nhất (Hành theo Sự Lý không ngăn ngại) là:

Thứ nhất: Là Hành theo nẻo tiếp cận với duyên, tạo tu tập về sự.

Thứ hai: Hành theo nẻo tiếp xúc Cảnh chẳng mê lầm nơi Lý.

Thứ ba: Cùng đạt cả Lý, Sự, tức Hành theo Sự Lý không ngăn ngại.

Ba Hành hàm chứa trong lớp Hành thứ hai là:

Một: Hành theo đại bi tức Bi hành.

Hai: Đầu tiên, đối nơi bi mà Hành, gọi chung là Trí Hành.

Ba: Hành theo Bi, Trí cùng chuyển biến.

Trong lớp Hành thứ tư (Hành theo ba Quán một Tâm) có năm Hành riêng” Nêu rõ về Không, Giả, Trung là ba. Ba quán Không theo thứ lớp như trên là bốn. Ba quán một Tâm là một Hành là tức hành thứ năm.

Ba lớp Hành thứ ba, năm, sáu thì đều như ở văn có thể nhận biết.

Ba Quán thì như trước sau đã nêu.

- Sơ câu: “Âu Hòa, bước lên nẻo Sự”: Âu Hòa Câu Xá La, đây gọi là “Phương tiện thiện xảo”. Tức văn của đại sư Tăng Triệu nơi bài Tông Bản Luận. Luận viết:

“Phương tiện (Âu Hòa), Bát-nhã, là sự xứng hợp của Trí tuệ lớn. Thật tướng của các pháp gọi là Bát-nhã. Đã có thể thấy được thật tướng của các pháp, nhưng chẳng theo hình tướng ấy mà chùng đắc, là nhờ vào công dụng của phương tiện. Hóa độ thích hợp theo căn cơ của chúng sinh, đó là phương tiện. Dù ra vào nơi sinh tử nhưng chẳng bị nhiễm phiền não cấu uế là nhờ diệu lực của Bát-nhã. Thế thì, cửa của Bát-nhã là quán Không, cửa của phương tiện là bước lên nẻo Có. Bước lên nẻo Có mà chưa từng mê chấp, nên thường ở nơi Có mà chẳng bị cấu nhiễm. Chẳng nhầm chán cái có mà quán về Không, nên quán không mà chẳng chùng đắc. Đó gọi là diệu lực của một niệm, trong ấy gồm đủ cả trí tuệ và phương tiện. Với diệu lực của một niệm đã kết hợp đầy đủ cả Thật trí và Quyền trí. Người dụng công tư duy thì có thể lý giải, lãnh hội rõ ràng.”

- Sơ câu: “Hai là trong phần nêu bày về câu hỏi”: Văn nơi bản Sơ giải gồm hai:

Một: Nhận xét tổng quát.

Hai: Từ câu: “Trong một đoạn này” tiếp xuống: Là nhận định, phân biệt. Phần này tự có ba ý, có thể nhận biết.

Nơi ý thứ ba, từ câu: “Do khéo tu tập bảy Giác ý” tiếp xuống: Là giải đáp chỗ vướng mắc. Tức có vấn nạn: “Trong ý thứ nhất, các đoạn hai, bốn, sáu thì cả ba đều nêu rõ về Nhân. Thế sao nay nơi mười đoạn đều gọi là Quả?” Nên vì đây mà cần thông tỏ. Do căn cứ nơi Tướng được hiển bày đối chiếu với Bồ đề, Niết-bàn, nên ba đoạn ấy là Nhân. Là đầu mối của sự thành tựu nơi mười đoạn kia nên được gọi là Quả.

Từ câu: “Cho nên đều gọi là làm thế nào” tiếp xuống: Là giải thích câu “Làm thế nào để được”.

Từ câu: “Mười câu hỏi ở phần đầu đối chiếu với phần sau” tiếp xuống: Là trở lại thông tỏ chỗ vấn nạn. Hỏi: “Mười đã là nhân. Do đâu phần nhận xét ở trước cho rằng: Bồ tát Trí Thủ nêu đức, trưng dẫn nhân?” Ý của phần giải đáp có thể nhận biết.

Tức Bồ tát Trí Thủ nêu câu hỏi chung về đức của Nhân Quả. Còn đại sĩ Văn Thù thì nêu tổng quát về việc tiếp cận với duyên theo nguyện thiện xảo, tức đều thành tựu.

- Số từ câu: “Nay, một là mười câu...” tiếp xuống: Văn nơi bản Sơ giải phân làm ba:

Một: Dựa theo hướng chung riêng để giải thích.

Hai: Giải thích quả trước nhân sau.

Ba: Dùng câu văn hiện tại đối chiếu với các thứ phiền não để giải thích.

Một: Tức mười một đoạn đều là Quả được thành tựu, gồm luôn ý thứ ba trong phần nhận định, phân biệt. Mười câu hỏi đầu là chủ thể thành tựu. Mười đoạn tiếp theo là đối tượng được thành tựu. Từ sau nhắc ngược lại để thành mười Quả. Xét theo thứ tự để giải thích văn. Nghĩa là, câu hỏi một, do ba nghiệp không lỗi lầm, nên được quả thứ mười một là tôn quý, siêu vượt, thù thắng. Câu hỏi hai, ba nghiệp không bị tổn hại thì đạt được quả thứ mười là có khả năng tạo mọi lợi ích. Câu hỏi ba thành quả thứ chín. Câu hỏi bốn thành quả thứ tám. Câu hỏi thứ năm thành quả thứ bảy. Câu hỏi thứ sáu thành quả thứ sáu. Câu hỏi thứ bảy thành quả thứ năm. Câu hỏi thứ tám thành quả thứ tư. Câu hỏi thứ chín thành quả thứ hai. Câu hỏi thứ mười thành quả thứ ba.

Cũng có thể như phần tiếp theo: Giống như bước lên Cảnh mà không hề bị nhiễm nên thành tựu các Tuệ. Trí là người dẫn dắt đi trước nên thành tựu pháp khí. Trong đó tăng thêm chữ để giải thích văn. Như

nói: Không giận dữ, gây tổn hại là dùng giận dữ để giải thích tổn hại. Dùng “Bước lên Cảnh” để giải thích “Không bị cấu nhiễm”. Căn cứ nơi Thể để giải thích “Thanh tịnh” v.v... Suy xét kỹ thì thấy rõ.

- Số từ câu: “Lại do mười đoạn sau có thể thành tựu” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích quả trước, nhân sau. Do mười câu hỏi đầu là Quả, mười đoạn với một trăm câu sau là Nhân, nên gọi là “Hoàn toàn không lỗi lầm. Chính là pháp Bất cộng của Phật.”

“Hoàn toàn không có lỗi lầm v.v...” thì chữ vân vân là chỉ cho chín câu tiếp sau như ba nghiệp không bị tổn hại v.v...

Nói “Bất cộng” tức là mười tám pháp Bất cộng của Phật. Đó là:

Một : Thân nghiệp không lỗi lầm.

Hai: Âm thanh không vội vàng, nóng nảy.

Ba: Không có các thứ, các loại tưởng.

Bốn: Không có Tâm bất định.

Năm: Không có niệm quên mất.

Sáu: Không có sự chằng chịt, bỏ.

Bảy: Ý chí không hề thối chuyển.

Tám: Niệm không hề thối chuyển.

Chín: Tịnh tấn không thối chuyển.

Mười: Định không hề giảm.

Mười một: Trí tuệ không hề giảm.

Mười hai: Giải thoát không hề giảm.

Mười ba: Thân nghiệp theo sự dẫn dắt đi trước của trí mà chuyển.

Mười bốn: Ngữ nghiệp theo sự dẫn dắt đi trước, của trí mà chuyển biến.

Mười lăm: Ý nghiệp là sự dẫn dắt đi trước, theo trí mà chuyển biến.

Mười sáu: Nhận biết về quá khứ không chấp trước, không bị ngăn ngại.

Mười bảy: Nhận biết về vị lai không vướng mắc, không bị ngăn ngại.

Mười tám: Nhận biết về hiện tại không vướng mắc, không bị ngăn ngại.

Nay dùng mười câu hỏi của phần đầu (Bồ tát Trí Thủ hỏi) đều thấu tóm chung về mười tám pháp Bất cộng này. Nghĩa là hai câu đầu là ba pháp bất cộng đầu (1,2,3) do ba nghiệp không có lỗi lầm. Hai câu kế (3,4) tức bất cộng bốn, năm, sáu. Do có niệm định tuệ không thể bị

hủy hoại, nên cả ba đều nói không có. Câu năm sáu tức bất cộng bảy tám, chín. Câu bảy tức Định, Tuệ, Giải thoát (10, 11, 12). Câu tám, chín tức là ba bất cộng sau cùng (16, 17, 18). Do ba đời không chấp trước không ngăn ngại nên nói thanh tịnh không nhiễm. Câu mười tức bất cộng (13, 14, 15). Trí là người dẫn đường, nên chuyển theo trí. Vì thế sơ nói: Vĩnh viễn không sai lầm v.v... chỉ có bất cộng của Phật. Nay dựa theo từng phần nên làm nhân sau.

- Số từ câu: “Lại nữa, trong chín câu sau” tiếp xuống: Là phần ba, dùng cân văn hiện tại đối chiếu với phiên nào để giải thích. Do phá trừ sáu thứ phiền não căn bản mà thành chín câu này:

- Nghi thâm tóm ba câu.

- Tham thâm tóm hai câu.

Bốn thứ còn lại (Sân, Si, Mạn, Ác kiến) mỗi thứ thâm tóm một câu, nên sáu thứ thâm tóm chín câu.

- Số câu: “Một là Quả dị thực”:

Luận Câu Xá, phần Hiển Tướng Tụng viết:

*“Dị thực, pháp vô ký
Hữu tình, Hữu ký sinh.
Đẳng lưu giống tự nhân
Ly hệ do Tuệ tận.
Như nhân lực kia sinh
Gọi là quả Sĩ dụng
Trừ pháp hữu vi trước
Đó là quả Tăng thượng.”*

Giải thích: Hai câu đầu là Tướng của quả dị thực. Chỉ là “Vô phú vô ký”, chẳng chung cho hàng “Phi tình”. Theo chỗ chiêu cảm của thiện ác gọi là “Hữu ký sinh”.

- Câu tiếp theo là Tướng của quả Đẳng lưu. Giống nơi đồng loại là nhân của chính mình cùng biến hành.

- Câu tiếp theo (câu bốn) là Tướng của quả Ly hệ. “Do Tuệ tận”: Tuệ tức lựa chọn, tận tức diệt hết. Nghĩa là sự “Trạch diệt” ấy là chỗ hiển bày do lìa mọi trói buộc của phiền não. Dùng “Trạch diệt” để giải thích quả Ly hệ.

Hai câu tiếp theo (câu năm,sáu) là Tướng của quả Sĩ dụng. Như pháp được sinh ra do Thế lực nào đó. Ví như nhờ tâm lực của địa dưới phát sinh ra định hữu lậu vô lậu của địa trên. Cho đến nhờ tâm lực thanh tịnh nơi tĩnh lự phát sinh ra các quả ly hệ v.v... của chứng đắc biến hóa tâm vô ký. Đó gọi là sĩ dụng của bất sanh. Hoặc nhân nơi Đạo lực mà

chứng đắc, thì cũng gọi là quả Sĩ dụng.

Hai câu sau cùng là tướng của Tăng thượng. Pháp hữu vi sinh ra pháp khác không chướng ngại gọi là quả Tăng thượng. Trừ pháp hữu vi trước là trừ pháp hữu vi đã sanh ra. Nghĩa là quả đối chiếu với nhân hoặc cùng lúc, hoặc sau tức nhiên không có quả trước nhân sau cho nên nói “Trừ”. Trừ những hữu vi có trước này, các hữu vi còn lại là tướng của quả tăng thượng.

Luận nói: Quả Tăng thượng.

Hỏi: Vậy có khác với quả sĩ dụng thế nào?

Đáp: Quả Sĩ dụng chỉ đối với tác giả (làm ra) còn quả Tăng thượng gọi chung được cho các thứ khác. Như vật do thợ làm ra, và chủ thể người thợ đối nhau đều có hai nghĩa quả Tăng thượng và Sĩ dụng. Nhưng đối với những thứ không phải từ thợ làm, thì chỉ là quả Tăng thượng. Không phải thợ, không tạo ra nên không phải Sĩ dụng.

Luận Du Già quyển ba mươi tám nói: Quen tập thói xấu, nên ưa thích an trụ vào điều xấu là Quả đẳng lưu. Hoặc tương tự nghiệp trước đây, quả sau chuyển theo đó.

Giải thích: Đây có hai nghĩa giải thích về Đẳng lưu. Nghĩa sau là quả tương tự nhân trước đây là ý cú luận Câu xá. Như do nhân sát sinh mà chịu quả yếu mệnh v.v... Nghĩa trước là trong quả sáu thức hành nhân tương tự nhân trước đây. Như đời trước sát sinh đời nay cũng ưa sát sinh v.v...

Luận Du Già lại nói: Dùng đạo diệt hoặc là quả Ly hệ. Do bốn nhân công cùng làm mà hoàn thành đạt được tài lợi ruộng vườn v.v... thì quả là quả Sĩ dụng. Hoặc Nhân thức là quả tăng thượng của Nhân căn v.v... Thân thể không tổn hoại là quả Tăng thượng của Mệnh căn. Hai mươi hai căn mỗi thứ đều được quả Tăng thượng quả v.v...

- Số câu: “Luận du Già giải thích đầy đủ”: Đến phần đầu của Hội Hưởng thứ sáu sẽ giải thích rộng. Tức có tám thứ dị thực, ở đây chia thành mười câu:

Một: “Chỗ sinh đời nay được đầy đủ” là nêu rõ chung về nghĩa tương đương với quả về tài, vị (của cải, địa vị)

Hai: Tức quả về chủng tộc.

Ba: Cũng là quả về tài vị.

Bốn: Tức là quả về sắc thân lớn lao.

Năm: Quả về tánh của giống người không phải hạng bất nam, bất nữ v.v...

Sáu: Quả về lời nói tin tưởng, ý do niệm đầy đủ.

Bảy: Quả về danh dự.

Tám: Nghĩa tương đương với thọ mạng. Lìa lỗi lầm, tu tập nên có thọ mạng lâu dài.

Chín: Quả về sức mạnh lớn.

Mười: Cũng là về sức mạnh lớn. Sức mạnh của Trí tuệ là giác ngộ.

- Số từ câu: “Lại nữa, Vô úy...” tiếp xuống: Là tùy chỗ khó mà giải thích lần nữa.

- Số từ câu: “Lại như mười sự này” tiếp xuống: Là căn cứ nơi Pháp.

Nói “Sinh nơi nhà Phật”: Tức Tâm Bồ đề là nhà. Chữ “Đẳng” (Trong câu “Là chốn sinh đầy đủ v.v...”) là chỉ cho các câu còn lại. Tức: Hai là chủng tộc, tức có đủ chủng tánh của Phật, nghĩa là tự tánh, trụ tánh là chỗ thành tựu do tu tập. Ba nói rõ nhà tức Chân như là nhà. Cũng là ngôi nhà thứ tư. Bốn là ngôi nhà như bảy địa. Nhà thứ tư này nêu rõ việc thấy Phật tánh, như thấy Sắc. Kinh Niết-bàn có câu: “Phật tánh có hai: Một là Sắc; Hai: Chẳng phải là Sắc. Như lai vốn thấy Phật tánh đó là sắc. Năm là tướng, tức có Bi, Trí v.v... là tướng của Bồ tát.

Năm câu còn lại thì Kinh tự căn cứ nơi Pháp, có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Lại đầy đủ” tiếp xuống: Là giải thích lần nữa về chữ “Đầy đủ”. Trên là căn cứ theo sự gồm đủ của chiều ngang (không gian) là đầy đủ. Nay thì căn cứ theo chiều dọc (thời gian) để nói.

- Số câu: “Tức là chủng tánh”: Tức là Chủng tánh vị. Do nơi Tập chủng hợp với Tánh chủng, mới gọi là Chủng tánh. Chủng của Tánh tức là Tự Tánh, trụ tánh là nhân chính. Tánh tức là Tánh nơi Đệ nhất nghĩa Không của Niết-bàn. Tập là mới huân tập, là Tánh của sự tu tập mà thành. Quyết định đối với nhân của Phật gọi là Chủng tánh. Phần dẫn chứng có thể nhận biết.

Nói “Nhiếp Đại thừa Luận thích của Bồ tát Vô tánh”: Tức Luận ấy, quyển thứ tám, giải thích về Nhân duyên, nói:

“Nhân duyên của các Bồ tát, tức có sự huân tập của ngôn từ, kiến văn. Là trí không phân biệt cùng tác ý đúng như lý”. Trong phần giải thích Luận nói: “Nhân tức là nghĩa chủ thể tạo ra nhân duyên. “Có ngôn từ” tức là âm thanh, ngôn từ của Đại thừa. “Kiến văn” tức sự lắng nghe, lãnh hội. Do đấy dẫn đến công năng sai biệt gọi là Huân tập. Do ở đấy làm nhân, là chỗ sinh ra ý niệm, ngôn từ, thuận theo lý thanh tịnh, gọi là tác ý đúng như lý.”

- Số câu: “Nhiếp Luận nêu bày rộng”: Tức Nhiếp Luận, phẩm thứ

bảy, Luận Du Già quyển thứ bốn mươi lăm, nêu rõ trong ngoài đều có sáu phương tiện, đây tức là phương tiện thứ sáu, thuộc bên trong.

- Số câu: “Các Luận Du Già, Khởi Tín...”:

Nơi phần trước, Sở giải quyển thứ nhất của kinh đã dẫn Luận Khởi Tín. Nay lược dẫn Luận Du Già, tức trong phẩm Bồ Tát địa thuộc quyển thứ bảy mươi bảy. Luận ấy cũng dẫn kinh Giải Thân Mật: “Bồ Tát Từ Thị hỏi đức Thế Tôn: Như Lai nói có bốn thứ “Cảnh sự” của đối tượng được duyên:

Một là, “Cảnh sự” của đối tượng được duyên có phân biệt ảnh tượng.

Hai là, không phân biệt ảnh tượng.

Ba là, Sự nơi biên vực tận cùng.

Bốn là, “Cảnh sự” của đối tượng được duyên nơi chỗ tạo tác đã hoàn thành.

Vậy bốn Cảnh sự của đối tượng được duyên này có bao nhiêu thuộc về Chỉ? Có bao nhiêu thuộc về Quán? Có bao nhiêu thuộc về cả chỉ, Quán? Đức Thế Tôn đáp: “Cảnh sự” của đối tượng được duyên thứ nhất (có phân biệt) là thuộc về Quán. “Cảnh sự” của đối tượng được duyên thứ hai (không phân biệt) là thuộc về Chỉ. Hai “Cảnh sự” sau là cùng thuộc về cả Quán và Chỉ”.

Giải thích: “Cảnh sự” một tức là Sự. Hai tức là Lý, nên Trí không phân biệt (chủ thể) duyên (đối tượng). Ba, Bốn là chung cả Sự, Lý... Nay chọn lấy một nghĩa nên không nói về, trái, dùng để biện minh về mười lớp (Chỉ, Quán), từ thô đến tế, từ cạn tới sâu. Hai lớp đầu là Chỉ, Quán hành riêng biệt. Một tức phẩm Xa-ma-tha (Chỉ) nơi Luận Du Già. Hai tức phẩm Tỳ Bát xá na (Quán). Tám lớp tiếp theo đều là phẩm “Song vận”. Nhưng lớp ba chính là cả hai cùng vận hành đối với lớp thứ bốn là cả hai cùng ngăn chặn.

Đây là cả hai cùng soi chiếu. Nếu chọn lấy nghĩa riêng thì cả hai cùng soi chiếu đều là Quán, cả hai cùng ngăn chặn đều là Chỉ. Bốn lớp trước thì dùng Lý, Sự làm chủ thể thành tựu: Chỉ, Quán là đối tượng được thành tựu. Lớp năm thì dung hợp nơi Tâm, Cảnh, tức hợp hai lớp ba, bốn ở trước. Do Sự, Lý của hai lớp đầu tức là đối tượng được dung hợp của hai lớp ba, bốn. Cho nên dứt tuyệt Lý, Sự tức là Cảnh trong môn (lớp) thứ tư. Không ngăn ngại tức là Cảnh trong môn thứ ba. Chỉ, Quán cùng dứt bật tức là Chỉ, Quán của môn thứ tư. Chỉ, Quán không ngăn ngại tức là Chỉ Quán của môn thứ ba. Hợp hai lớp Chỉ, Quán trên cùng với Cảnh của hai lớp, nêu rõ chẳng phải là một, khác. Chẳng hủy hoại hai tướng

nên chẳng là một. Hai Thể không khác nên chẳng là hai. Do vậy, chính dung hợp Tâm, Cảnh mới là môn Sự Lý không ngăn ngại.

Song nói cùng dung hợp, chẳng nói là Quán hay là Chỉ? Đây thì gồm ba ý:

Một: Chỉ dung hợp Chỉ, Quán của hai lớp trước, tức là Chỉ, Quán của môn ấy.

Hai: Sự soi chiếu ở đây hai mà chẳng hai, chẳng hai mà là hai. Tức là ở nơi Quán chẳng chấp giữ các tướng, gọi là Chỉ.

Chẳng hủy hoại một vị mà Tâm, Cảnh cùng thành tức là ngay trên Chỉ.

Ba: Chẳng hoại Tâm, cảnh là một thành tựu tức là Chỉ ngay trên Quán.

Phần sau, lớp năm là Chỉ, Quán trong môn Sự Sự vô ngại. Sáu là môn “Nhất đa tướng dung bất động”. Bảy là môn “Chư pháp tương tức tự tại”. Tám là hợp với nghĩa tức nhập ở trước, thành môn “Đồng thời cụ túc”. Chín tức môn “Nhân đà la võng cảnh giới”. Mười là môn “Chủ bạn viên minh cụ đức”. Nhằm hiển bày càng về sau thì sâu hơn lùi dần về trước nên hợp “Tức, nhập”. Phần còn lại có thể theo đấy mà xét. Đây cũng là một chốn mà nêu rõ về Chỉ Quán gồm luôn việc diễn rộng về các huyền môn.

- Sơ câu: “Đều căn cứ nơi lưu chuyển để biện minh”: Do nghĩa thiện xảo chung cho cả trở về, vắng lặng. Cho nên giải thích tổng quát về Thiện xảo gồm có ba nghĩa:

Một: Biết rõ về Lý.

Hai: Biết rõ về Sự.

Ba: Thêm khả năng thấu tóm vô tận. Chính là Sự sự vô ngại gồm luôn “Sự lý không ngăn ngại”. Kinh Đại Phẩm có đoạn: “Tất cả pháp đều hướng tới Sắc. Sắc hãy còn chẳng thể nắm bắt được, thì làm sao có được chỗ hướng tới chẳng phải là hướng tới? Tất cả cùng quy về nơi không. Không của các pháp chẳng khác sắc”. Vì Không nên là ý của Sự Lý không ngăn ngại. Nay dùng một thấu tóm tất cả tức là Sự Sự vô ngại. Thiện xảo đã chia chỗ này làm hai nên có bốn nghĩa. Luận Du Già quyển thứ năm mươi sáu, năm mươi bảy đã nói rộng về ba khoa Thiện xảo, hầu hết đều căn cứ nơi tướng để nêu bày, tức là nghĩa thứ hai.

- Sơ câu: “Đoạn thứ tám, được mười loại Vua cung kính, hộ trì là Quả Tăng thượng”: Tức sự tăng thượng của “Hữu lực. Do nơi tự thân gồm đủ các đức khiến các bậc kia hộ trì.

- Sơ câu: “Do nơi diệu lực của bản nguyện làm chỗ nương tựa,

cứu giúp...”: Tức nơi Luận Du Già, ý trước là Hành do từ xưa đã tu tập. Nói “do diệu lực của bản hạnh là bậc nhất”: Là ý thứ hai, quả giống với nhân từ trước. Đã là bậc nhất nên là quả của Hành.

- Số câu: “Luận Phật Địa quyển thứ bảy có năm lớp giải thích”: Tức, Một là tu tập nhân thiện thì được quả an lạc. Hai là lìa ác, thâm nhiếp thiện. Ba là đời này đời khác đều được lợi ích. Bốn là có được lợi ích của thế gian và xuất thế gian. Năm là được lợi ích về phước đức, trí tuệ. Năm lớp trên đều nêu trước là nghĩa sau là lợi.

- Số câu: “Dùng một lời để bao quát đủ tất cả” (Nhất ngôn dĩ tế chi). Tức nơi sách Luận Ngữ: “Kinh Thi có ba trăm Thiên, dùng một lời đủ để bao quát tất cả, là tư tưởng thuần chính”. Bao quát gọi là Tế, cũng như là ngăn chặn. Nghĩa là quy về nẻo chánh.

- Số “Bốn mươi hai bậc”: Đây là căn cứ nơi sự tu tập, hành trì có chương ngại. Bậc thứ bốn hai là quả vị Diệu Giác. Là đối tượng mong đạt tới, nên không chương ngại thì chẳng phải là Hành trì.

- Số câu: “Chẳng giống với Quyền giáo, Tiểu thừa, nói có, ẩn giấu không”: Tiểu thừa thì cho chỉ Phật là người duy nhất có tánh đại giác. Quyền tức là năm Tánh. Nói “Kia là có, kia là không”, là ở trong phần “Có Phật tánh”. Lại nói chung, riêng khác giống. Chung tức là đều có. Riêng tức có “Có Phật tánh”, có “Không Phật tánh”.

- Số câu: “Do vậy, đức tốt bậc là gốc của Hạnh”: Tức là ý nơi sách bên ngoài. Sách Hiếu Kinh nói: “Phụ tử nói với Tăng Tử: Các bậc Tiên vương có đức cao tốt, đạo chính yếu. Dân dùng đầy để được hòa thuận tin kính, trên dưới không oán, ông biết chăng?”

Chú giải: “Đức cao tốt là Hiếu để. Đạo chính yếu là Lễ nhạc. Cho nên trên đến Thiên Tử, dưới tới người thường đều phải thực hành Hiếu, không có đầu cuối”.

Nói “Gốc của Hạnh”: Tức sách nơi thế gian cho Hiếu là gốc của trăm Hạnh.

Phần tiếp theo dẫn giáo pháp của Phật để chứng minh. Bồ Tát giới cũng nói: “Hiếu dưỡng các bậc sư trưởng, cha mẹ. Hiếu gọi là Giới. Cũng gọi là Chế chỉ.”

- Số câu: “Nhưng chỗ nhiệm của hai Thừa chẳng phải là cái nhiệm đích thực”: Tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai, nam bản. Phẩm Ai Thán, Phật chê trách các Tỳ kheo tu tập ba pháp:

“Các thầy chớ đem tâm thấp kém mà sinh niệm biết đủ. Các thầy nay tuy được xuất gia nhưng đối với pháp Đại thừa này chẳng sinh ham mộ. Thân các thầy tuy được mặc Cà sa là y phục đã được nhuộm, nhưng

Tâm vẫn chưa được nhuộm pháp Đại thừa thanh tịnh. Các thầy thân tuy hành khát trải qua nhiều nơi mà chưa từng khát thực pháp Đại thừa. Các thầy dầu đã cạo bỏ râu tóc mà chưa vì chánh pháp để diệt trừ các thứ kiết sử. Nay các thầy Tỳ Kheo! Nay Như Lai sẽ nêu bày chân thật với các Thầy, Như Lai hiện tại hòa hợp với chúng Đại thừa, Pháp tánh của Như Lai là Chân thật không điên đảo. Vì thế các thầy cần phải tinh tấn, nhiếp tâm, dũng mãnh xô dẹp mọi thứ kiết sử...”

Giải thích: Đây là dùng cho Tiểu thừa. “Phương, đại” hãy còn chưa có thể diệt trừ vô minh của đối tượng được nhận thức (Sở tri chướng). Pháp nhiệm, pháp không, pháp thường trụ vi diệu, nên gọi như thế.

- Số câu: “Tức một của năm Thọ”: Là: Một là Thiệt lai. Hai là Thượng pháp. Ba là Tam quy. Bốn là Bát kính. Năm là Yết ma. Phần nhiều giải thích không giống nhau. Hầu hết đều dựa vào năm thọ này.

- Số câu: “Cái chính của quy về là ba nẻo”: Trong phần nêu bày về quy kính ở trước đã diễn rộng xong.

Nói “Đến phần sau sẽ giải thích rõ”: Tức nơi phẩm Minh Pháp. Trước là chỗ quảng diễn của phần “Sao giải”, nên ở đây chỉ rõ là sau.

- Số câu: “Hòa thượng đây gọi là Thân giáo”: Là tiếng Phạn của thời trước, tức tiếng Phạn của nước Quy Tư trở đi. Chính gọi là “Ô ba-đà-da”, Trung hoa gọi là Thân giáo.

- Số “Giới có hai thứ”: Dựa nơi Tỳ kheo giới thì năm giới, mười giới, tám giới đều là phương tiện. Chỗ cao tột của năm chúng là pháp tối thắng. Nếu Bồ tát giới là “Cụ túc” thì Tỳ kheo giới cũng là phương tiện. Siêu vượt trên hai Thừa là pháp tối thắng. Chỗ thành tựu của nguyện nêu rõ là quả vị Phật.

- Số câu: “Năm điều lợi của dương chi”: Đó là:

Một: Làm mất sáng.

Hai: Trừ đờm.

Ba: Trừ mùi hôi trong miệng.

Bốn: Làm rõ mùi vị.

Năm: Ăn uống tiêu hóa tốt.

Kinh mới cho là có mười nghĩa.

- Số câu: “Trong buổi sớm ngậm nhai “Dương chi” thì sự tịnh uest chẳng còn xen tạp lẫn nhau”: Hai câu này hoàn toàn là lời của Thiền sư Vô Hành ở nơi sách “Tây Vực Ký Quy”. Truyện Nam Hải Lý Quy cũng nêu bày rộng về điều này.

- Số câu: “Ba khổ, tám khổ cũng điều trừ diệt”: Do sự khổ nơi ba đường dữ đã dứt, nên cái khổ của sinh lão bệnh cũng diệt. Do đoạn trừ

phiền não ấy, không tạo mười nghiệp ác, nên không còn cái khổ oán ghét phải gặp nhau. Nhờ diệt trừ phân biệt về tham dục, nên không còn cái khổ mong cầu chẳng đạt được và cái khổ yêu thương phải biệt ly. Từ đây chỉ còn có cái khổ về tử và chấp giữ uẩn. Đến đạo quả Kim cương vô gián với Căn bản trí sẽ đoạn trừ hai thứ khổ đó. Tuy có pháp thiện hữu lậu nhưng lúc này cũng còn tùy thuộc vào Hành khổ. Do được trí thù thắng soi chiếu đồng với Pháp tánh, ở nơi nẻo giải thoát chẳng đợi “Trạch diệt” tự tại lìa bỏ, công sức quy về Kim cương vô gián.

Ở trên là căn cứ theo Pháp tướng mà nói. Chọn lấy Thể chính nơi Trí không phân biệt, gọi là căn bản, do đối chiếu với Gia hạnh mà được gọi tên. Tuy chung cho các quả vị mà hai quả vị Kiến đạo, Kim cương hiểu rõ trội nhất nên tóm lược nêu ra.

Lại có thể căn cứ theo Pháp tánh, do Bản giác là Trí căn bản, vì so với Thủy giác là căn bản. Đây chỉ căn cứ nơi đạo giải thoát, lúc chứng đắc Lý thì cùng với phần căn bản có sự khế hợp sâu xa, nên gọi là đạt được căn bản của Bản giác. Từ đây, vĩnh viễn không còn cái khổ của Tử cùng chấp giữ Uẩn. Tuy đoạn trừ phiền não, chứng đắc lý, lập ra tên hai đạo gọi như thế, nhưng cùng một sát na, Trí đạt được cũng vậy, do đó, đạo quả vô gián lúc đoạn trừ hai thứ chướng của Kiến, Tu, tức là lúc đạo giải thoát đoạn trừ.

- Số câu: “Một là căn cứ nơi Tuệ của sự hội nhập chân, thấy đạo”: Cũng có hai nghĩa: so sánh đồng với đoạn khổ. Đoạn trừ cái khổ của thân bệnh là nhắc lại chỗ đoạn trừ ở trước. Cùng với phiền não bệnh đó là đối tượng được đoạn trừ. Từ câu: “Nghĩa là tất cả” tiếp xuống: Là nêu ra Thể của đối tượng được đoạn trừ. Thô, trọng tức là Chứng tử. Phân biệt, lựa chọn nơi “Câu sinh” cũng là nhân gần của thân bệnh, chẳng phải là nhân xa. Như quá gần gũi với sắc là nhân xa của thân bệnh. Do tham nên như thế, tức là nhân gần. Nói “Trong một sát na tức thì đoạn trừ” đến phần nói về địa thứ nhất sẽ giải thích rộng. Câu: “Chứng đắc tức thì Chân như, Tứ đế nơi ba cõi” thì đến phần nói về thập Hồi Hương sẽ giải thích.

- Số câu: “Hai là căn cứ nơi Tuệ của tâm Kim cương tức thì đoạn trừ tất cả các phiền não bệnh”: Tức là “Câu sinh”. Trên đây là chỗ chuyển biến, lìa bỏ dựa trên để giải thích dưới, tóm kết xác nhận hai nghĩa trước.

